

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: **51/2019/KDTM-PT**

Ngày: 23.5.2019

V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Bình

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy hạnh

Bà Ngô Tuyết Băng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Huyền Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 04/2019/TLPT-KDTM ngày 09/01/2019 về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2018/ KDTM-ST ngày 08/11/2018 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội bị kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2019/QĐ-PT ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần H

Địa chỉ trụ sở: Số 88 Đường L, phường Đ, quận A, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Anh T - chủ tịch Hội đồng quản trị

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trung H, bà Đỗ Phương T (theo văn bản ủy quyền số 2725/2018/UQ-TGD12) ngày 13/7/2018 của Ngân hàng TMCP H

Bị đơn: Công ty cổ phần thương mại T

Địa chỉ trụ sở: Tầng 4 tòa nhà P, số 62/168 đường K, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm:

+ Bà Đỗ Thị Minh H (đồng thời là người có yêu cầu độc lập)

Trú tại: Số 11, ngõ 40 đường D, phường X, quận H, Hà Nội

+ Ông Phạm Anh T, sinh năm 1955 (chết ngày 21/6/2018)

Trú tại: Số 11, ngõ 40 đường D, phường X, quận H, Hà Nội

+ Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Phạm Anh T gồm:

Bà Đỗ Thị Minh H (vợ ông T); cụ Hoàng Thị K (mẹ ông T); anh Phạm Tuấn Y và anh Phạm Đỗ D (là con ông T, bà H).

Cùng trú tại: Số 11, ngõ 40 đường D, phường X, quận H, Hà Nội

Đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Thị Minh H, anh Phạm Tuấn Y và anh Phạm Đỗ D, Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1969; địa chỉ: Số 47, tổ 12, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội. Theo văn bản ủy quyền ngày 24/01/2019 và ngày 29/01/2019

Người làm chứng: Anh Nguyễn Duy K

HKTT: 326 Phố B, quận H, Hà Nội

Người kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần H.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các lời khai đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần H(Ngân hàng H) trình bày:

Ngân hàng thương mại cổ phần H. chi nhánh Hà Nội (sau đây gọi tắt là nguyên đơn) và Công ty cổ phần thương mại T (sau đây gọi tắt là bị đơn) đã ký kết hợp đồng tín dụng số 37/11/HN ngày 14/10/2011 và phụ lục hợp đồng số 01/PL/HĐTD ngày 03/11/2011 với nội dung: Nguyên đơn cho bị đơn vay với hạn mức 20.000.000.000 đồng (hai mươi tỷ đồng), mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh cung cấp lắp đặt MBA và các thiết bị khác; thời hạn 12 tháng, đến hết 07/10/2012, thời hạn mỗi kỳ ước tối đa 06 tháng; lãi suất nhận nợ theo quy định của nguyên đơn trong từng thời kỳ, thể hiện cụ thể bằng quyết định lãi suất do Tổng giám đốc Ngân hàng Ngân hàng H ban hành. Hai bên thống nhất ủy quyền cho nguyên đơn được tự động điều chỉnh lãi suất trong trường hợp có sự thay đổi về chính sách lãi suất của nguyên đơn và thông báo bằng văn bản cho bên vay. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là: Quyền sở hữu căn hộ chung cư tại 103 tầng 1 ngõ 43 Phố Đ, phường V, quận B, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 578531 (MS 10101271182, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất A.1679/2007/QĐUB 1000 2007) do UBND Quận B Thành phố Hà Nội cấp ngày 19/7/2007 đứng tên bà Phạm Ngọc L và ông Thái Hoàng I (đã chuyển nhượng cho bà Đỗ Thị Minh H và ông Phạm Anh T) theo hợp đồng số công chứng 1003307, quyền số

03/CC-SCC/HĐGD ngày 20/9/2007 tại Phòng công chứng số 1 Thành phố Hà Nội. Ông Phạm Anh T và bà Đỗ Thị Minh H đã thế chấp tài sản tại Ngân hàng H theo Hợp đồng thế chấp số 016208/2011 ngày 14/10/2011, việc thế chấp tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Thực hiện Hợp đồng tín dụng số 37/11/HN ngày 14/10/2011, nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn theo khế ước nhận nợ số 01.37/11/HN ngày 19/10/2011 tổng cộng là 3.200.000.000 đồng (ba tỷ, hai trăm triệu đồng)

Tuy nhiên bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ và bắt đầu phát sinh nợ quá hạn từ ngày 19/04/2012. Bị đơn chỉ trả được 160.000.000 đồng tiền gốc và tiếp tục bị quá hạn cho đến nay.

Do vậy, nguyên đơn đã chuyển toàn bộ số nợ gốc và lãi sang nợ quá hạn. Kể từ khi khoản vay của bị đơn bị chuyển nợ quá hạn, nguyên đơn đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn không thanh toán nợ cho nguyên đơn. Ngân hàng cũng đã yêu cầu chủ tài sản là Ông Phạm Anh T và bà Đỗ Thị Minh H bàn giao tài sản để nguyên đơn xử lý theo đúng thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp và theo quy định của pháp luật có liên quan nhưng chủ tài sản không thực hiện.

Nguyên đơn đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân quận H yêu cầu: Buộc Công ty cổ phần thương mại T có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ số nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ đã ký giữa hai bên, tổng số tiền tạm tính đến ngày 25/9/2018 là 8.728.077.917 đồng(*Tám tỷ, bảy trăm hai mươi tám triệu, không trăm bảy mươi bảy nghìn, chín trăm mười bảy đồng*), trong đó: Nợ gốc: 3.040.000.000đồng; Nợ lãi: 3.748.255.834 đồng; Lãi quá hạn: 1.939.822.083 đồng. Bị đơn còn phải chịu lãi suất quá hạn theo quy định tại Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký giữa hai bên cho đến khi thanh toán hết nợ.

Khi Quyết định, Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, bị đơn không trả nợ và các bên bảo đảm không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bị đơn theo các hợp đồng thế chấp đã ký thì nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản bảo đảm nêu trên để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm khởi kiện đối với bị đơn, đề nghị Tòa án buộc bị đơn thanh toán tổng dư nợ tính đến ngày 08/11/2018 của bị đơn tại Ngân hàng Ngân hàng H là: **8.834.287.918** đồng (*Tám tỷ, tám trăm ba mươi bốn triệu, hai trăm tám mươi bảy nghìn, chín trăm mười tám đồng*), trong đó: Nợ gốc: 3.040.000.000đồng; Nợ lãi: 3.819.062.501 đồng; Lãi quá hạn: 1.975.225.417 đồng. Theo hợp đồng hợp đồng tín dụng số 37/11/HN ngày 14/10/2011 và phụ lục hợp đồng số 01/PL/HĐTD ngày 03/11/2011. Trong thời gian chưa tất toán khoản nợ, bị đơn còn phải chịu lãi suất quá hạn. Trường hợp bị đơn không trả hoặc trả không đủ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản bảo đảm là căn

hộ chung cư tại 103 tầng 1 ngõ 43 Phố Đ, phường V, Quận B, Hà Nội để thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp đã ký kết giữa các bên.

Ông Nguyễn Văn T, đại diện theo pháp luật của Công ty CPTM năng lượng T trình bày:

Xác nhận bị đơn có ký kết Hợp đồng tín dụng với nguyên đơn, về khoản vay gốc và lãi suất trong hạn, quá hạn và phạt chậm trả như nguyên đơn đã trình bày. Tuy nhiên, từ năm 2013 cho đến nay bị đơn đã ngừng hoạt động, dừng đóng thuế, không còn bất cứ hoạt động nào. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án căn cứ quy định pháp luật giải quyết. Ông Nguyễn Văn T đề nghị được vắng mặt trong tất cả các phiên làm việc, phiên hoà giải cũng như phiên toà xét xử của Toà án.

Ông Nguyễn Văn T đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Thị Minh H, anh Phạm Tuấn Y và anh Phạm Đỗ D trình bày:

Xác nhận lời trình bày của nguyên đơn về hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn với bị đơn, theo đó, ông Phạm Anh T và bà Đỗ Thị Minh H có tài sản thế chấp cho hợp đồng tín dụng nói trên là Quyền sở hữu căn hộ chung cư tại 103 tầng 1 ngõ 43 Phố Đ, phường V, Quận B, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 578531 (MS 10101271182, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất A.1679/2007/QĐUB 1000 2007) do UBND Quận B thành phố Hà Nội cấp ngày 19/7/2007 đứng tên bà Phạm Ngọc L và ông Thái Hoàng I (đã chuyển nhượng cho bà Đỗ Thị Minh H và ông Phạm Anh T) theo hợp đồng số công chứng 1003307, quyển số 03/CC-SCC/HĐGD ngày 20/9/2007 tại Phòng công chứng số 1 Thành phố Hà Nội nhưng ông T cho rằng hợp đồng thế chấp là vô hiệu. Ngày 01/08/2018 bà H có đơn yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng thế chấp nêu trên. Vì thực chất bà H và ông T chỉ cho anh K là Phó giám đốc Công ty CPTM năng lượng T là bạn của con trai ông bà mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng căn hộ nêu trên để đảm bảo giúp cho khoản vay của bị đơn và anh K cam kết sẽ trả khoản vay cho nguyên đơn để trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng căn hộ cho ông bà. Việc thỏa thuận của ông T, bà H chỉ đồng ý đảm bảo cho khoản vay từ 1 tỉ đến 1,2 tỉ, nhưng bị đơn lại vay 3,2 tỉ như vậy là lừa dối.

Việc vay vốn và sử dụng vốn vay là bị đơn, gia đình bà H và ông T không sử dụng khoản tiền vay này. Ông T cung cấp thêm tài liệu chứng cứ về việc anh K cam kết mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng căn hộ và cam kết trả lại ông bà Giấy chứng nhận quyền sử dụng căn hộ. Vì vậy, ông T đề nghị Tòa án tuyên hủy hợp đồng thế chấp.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Phạm Anh T là cụ Hoàng Thị K bà Đỗ Thị Minh H, anh Phạm Tuấn Y, anh Phạm Đỗ D do anh Nguyễn Văn T đại diện theo ủy quyền trình bày:

Có cùng quan điểm với ý kiến của bà Đỗ Thị Minh H. Đề nghị Tòa án tuyên hủy định hợp đồng chấp công chứng số 016208/2011 ngày 14/10/2011 ký kết giữa vợ chồng ông T, bà H; nguyên đơn và bị đơn là vô hiệu.

Đề nghị nguyên đơn trả lại toàn bộ giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp cho bà Đỗ Thị Minh H.

- Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã lấy lời khai của đại diện Công ty cổ phần dược phẩm E có hợp đồng thuê trụ sở: số 103 tầng 1 nhà 43 ngõ 130 phố Đ, phường V, Quận B, Hà Nội là tài sản thế chấp của ông Phạm Anh T và bà Đỗ Thị Minh H, quá trình sử dụng Công ty dược phẩm E có đầu tư, cải tạo để sử dụng. Nhưng đến ngày 04 tháng 8 năm 2017, Công ty cổ phần dược phẩm E không còn thuê nữa, và rút toàn bộ yêu cầu bồi thường trị giá phần cải tạo, sửa chữa vì không còn giá trị sử dụng.

Bản án sơ thẩm số 08/2018/KDTM-ST ngày 08/11/2018 của Tòa án nhân dân quận H đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải thanh toán trả nguyên đơn số tiền còn nợ và Lãi suất theo Hợp đồng tín dụng số 37/11/HN ngày 14/10/2011, tính đến ngày 08/11/2018 là: **8.834.287.918** đồng (Tám tỉ, tám trăm ba mươi bốn, hai trăm tám mươi bảy, chín trăm mười tám đồng), trong đó: Nợ gốc: 3.040.000.000đồng; Nợ lãi: 3.819.062.501 đồng; Lãi quá hạn: 1.975.225.417 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Tuyên bố Hợp đồng thế chấp 016208/2011 ngày 14/10/2011 được ký kết giữa ông T, bà H với nguyên đơn là vô hiệu. Buộc nguyên đơn trả lại bà Đỗ Thị Minh H giấy chứng nhận Quyền sở hữu căn hộ chung cư tại 103 tầng 1 nhà 43 ngõ 130 phố Đ, phường V, Quận B, Hà Nội.

Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 19/11/2018 nguyên đơn kháng cáo một phần nội dung bản án sơ thẩm về phần quyết định tuyên hợp đồng thế chấp được ký kết giữa ông T, bà H với Ngân hàng là vô hiệu với lý do nguyên đơn không đồng tình với một số nội dung trong bản án. Đồng thời Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội kháng nghị toàn bộ bản án với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm trong việc đánh giá chứng cứ khi tuyên hợp đồng thế chấp ký số 016208/2011 ngày 14/10/2011 giữa Ngân hàng với ông T, bà H vô hiệu; bản án sơ thẩm còn thiếu sót khi đánh giá chứng cứ về lãi suất của hợp đồng tín dụng.

Tại cấp phúc thẩm:

Tại cấp phúc thẩm đại diện của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo, xác định: Nguyên đơn và bị đơn đã ký kết hợp đồng tín dụng số 37/11/HN ngày 14/10/2011 và phụ lục hợp đồng số 01/PL/HĐTD ngày 03/11/2011 để vay tổng cộng là 3.200.000.000 đồng (*Ba tỷ, hai trăm triệu đồng*). Theo đó, ông Phạm Anh T

và bà Đỗ Thị Minh H có thể chấp cho hợp đồng tín dụng nói trên là Quyền sở hữu căn hộ chung cư tại 103 tầng 1 ngõ 43 Phố Đ, phường V, Quận B, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 578531 (MS 10101271182, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất A.1679/2007/QĐUB 1000 2007) do UBND Quận B thành phố Hà Nội cấp ngày 19/7/2007 theo đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ và bắt đầu phát sinh nợ quá hạn từ ngày 19/04/2012. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn, đề nghị Tòa án buộc bị đơn thanh toán tổng dư nợ tính đến ngày 08/11/2018 là: 8.834.287.918 đồng. Trường hợp bị đơn không trả nợ được cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận tổng số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký nhưng lại tuyên hợp đồng thế chấp tài sản mà ông T và bà H ký với nguyên đơn vô hiệu là không đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc bị đơn phải trả nguyên đơn tổng số **8.834.287.918** đồng (Tám tỷ, tám trăm ba mươi bốn triệu, hai trăm tám mươi bảy nghìn, chín trăm mười tám đồng), trong đó: Nợ gốc: 3.040.000.000 đồng; Nợ lãi: 3.819.062.501 đồng; Lãi quá hạn: 1.975.225.417 đồng. Trường hợp bị đơn không trả nợ được cho nguyên đơn, đề nghị Tòa án tuyên nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 08/3/2019, ông Nguyễn Văn T, đại diện theo pháp luật bị đơn trình bày: Xác nhận bị đơn và nguyên đơn đã ký hợp đồng tín dụng và giải ngân cho bị đơn, tài sản đảm bảo cho khoản vay của bị đơn đúng như nguyên đơn trình bày. Bị đơn đã trả nguyên đơn được 160.000.000 (một trăm sáu mươi triệu) đồng tiền nợ gốc. Ông Tám giữ nguyên tất cả lời khai tại cấp sơ thẩm và đề nghị Tòa án xử lý tài sản thế chấp theo quy định pháp luật.

Ông Nguyễn Văn T, đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Thị Minh H, anh Phạm Đỗ D anh Phạm Tuấn Y trình bày: Liên quan đến tài sản thế chấp: ông Phạm Anh T và bà Đỗ Thị Minh H có thể chấp tài sản là Quyền sở hữu căn hộ chung cư tại 103 tầng 1 ngõ 43 Phố Đ, phường V, Quận B, Hà Nội nêu trên theo hợp đồng số công chứng 1003307, quyền số 03/CC-SCC/HĐGD ngày 20/9/2007 tại Phòng công chứng số 1 Thành phố Hà Nội cho hợp đồng tín dụng nói trên nhưng hợp đồng thế chấp là vô hiệu. Vì thực chất bà H và ông T chỉ cho anh K là Phó giám đốc Công ty CPTM năng lượng T (bị đơn) là bạn của con trai ông bà mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng căn hộ nêu trên để đảm bảo giúp cho khoản vay của bị đơn và anh K cam kết sẽ trả khoản vay cho nguyên đơn để nguyên đơn đơn trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng căn hộ cho ông bà. Ông T, bà H chỉ đồng ý đảm bảo cho khoản vay từ 1 tỉ đến 1,2 tỉ, nhưng bị đơn lại vay 3,2 tỉ như vậy là lừa dối.

Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 29/01/2019, bà Hoàng Thị K là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Phạm Anh T (là mẹ đẻ của ông T, ông T đã chết

ngày 21.6.2018) trình bày: Bà không chứng kiến việc con trai và con dâu cho anh K mượn “sổ đỏ” và thế chấp. Tuy nhiên bà chỉ được nghe các con kể lại là do giúp đỡ anh K nên đã thế chấp nhà cho anh K và bị đơn vay tiền nguyên đơn mà không nhận được bất kỳ lợi ích vật chất nào của anh K Nay anh K và bị đơn không có tiền trả nguyên đơn, gây bất ổn cho cuộc sống của gia đình con cháu bà. Bà K đề nghị Tòa án hủy hợp đồng thế chấp nhà nêu trên và xin Tòa án xét xử vắng mặt bà.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Đơn kháng cáo trong thời hạn, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ. Tuy nhiên theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì sau khi Tòa án sơ thẩm xét xử, nguyên đơn kháng cáo thì phải nộp số tiền án tạm ứng án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ cho người kháng cáo nộp 300.000 đồng là chưa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định về án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử đúng quy định pháp luật.

Về nội dung kháng nghị và kháng cáo:

Về nội dung vụ án thể hiện Ngân hàng và Công ty CPTM năng lượng T ký hợp đồng tín dụng và ngân hàng đã giải ngân cho công ty theo khế ước như các bên đã trình bày, Ngân hàng yêu cầu bị đơn trả số nợ gốc còn lại là 3.040.000.000 đồng là có căn cứ, tuy nhiên trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ quy định lãi suất thả nổi, thay đổi 1 tháng/lần vào ngày 01 hàng tháng. Tại bản sao kê tín dụng của Ngân hàng Maritimebank không có bản kê chi tiết thể hiện Ngân hàng đã điều chỉnh lãi suất 1 tháng/lần. Việc tính lãi suất của Ngân hàng không tuân theo thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký kết với Công ty CPTM năng lượng T và trái với quy định của pháp luật. Ngân hàng cũng không cung cấp được các quyết định về việc điều chỉnh lãi suất theo yêu cầu của Tòa án nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu tính lãi của Nguyên đơn và giành quyền khởi kiện về lãi suất cho nguyên đơn khi có đủ tài liệu chứng cứ.

Về hợp đồng thế chấp số 016208/2011 ngày 14/10/2011 được ký kết giữa ông T, bà H với Ngân hàng thương mại cổ phần H các bên ký kết là hợp pháp theo đúng quy định của pháp luật, trong trường hợp bị đơn không thanh toán được nợ, đề nghị HĐXX xác định Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án phát mại tài sản thế chấp.

Về án phí, bà H phải chịu án phí sơ thẩm do yêu cầu độc lập không được chấp nhận.

Đề nghị sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giành quyền khởi kiện về lãi suất cho nguyên đơn khi có đủ tài liệu chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do các bên đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình tố tụng, sau khi đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Sau khi xét xử sơ thẩm Nguyên đơn, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội kháng nghị toàn bộ bản án. Quyết định kháng nghị, Đơn kháng cáo đúng thời hạn, đương sự đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo là hợp lệ.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định xét xử và các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cho tất cả các đương sự trong vụ án. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm chỉ có đại diện nguyên đơn có mặt, ông T là người đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Thị Minh H, anh Phạm Đỗ D và anh Phạm Tuấn Y vắng mặt không có lý do. Đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Nguyễn Văn T, và bà Hoàng Thị K là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án căn cứ điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt ông Tám, Bà K và ông T theo quy định pháp luật.

* Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn từ hợp đồng tín dụng số 37/11/HN ngày 14/10/2011 và khế ước nhận nợ số 0137/11/HN ngày 19/10/2011 nên được xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng là đúng quy định pháp luật.

* Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có địa chỉ tại tầng 4 tòa nhà P, số 62/168 đường K, phường Đ, quận H, Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng Dân sự thì Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

* Về quyền khởi kiện, chủ thể khởi kiện: Phù hợp với quy định tại Điều 186 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát:

Về yêu cầu tính lãi suất: Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 37/11/HN ngày 14/10/2011 và khế ước nhận nợ số 0137/11/HN ngày 19/10/2011 do nguyên đơn xuất trình, các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy: Thực hiện hợp đồng tín dụng số 37/11/HN ngày 14/10/2011, nguyên

đơn đã giải ngân cho bị đơn số tiền 3.200.000.000 đồng (*Ba tỷ, hai trăm triệu đồng*). Tuy nhiên bị đơn đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Tổng số tiền bị đơn mới trả cho nguyên đơn 160.000.000 (một trăm sáu mươi triệu) đồng vào tiền nợ gốc và bắt đầu phát sinh nợ quá hạn từ ngày 19/04/2012. Tại phiên tòa, nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải trả nợ cho nguyên đơn theo hợp đồng và khế ước nhận nợ hai bên đã ký kết tính đến ngày 08/11/2018 là: **8.834.287.918** đồng (*Tám tỉ, tám trăm ba mươi bốn, hai trăm tám mươi bảy, chín trăm mười tám đồng*), trong đó: Nợ gốc: 3.040.000.000đồng; Nợ lãi: 3.819.062.501 đồng; Lãi quá hạn: 1.975.225.417 đồng. Tuy nhiên, căn cứ mục 2 và mục 3 khế ước nhận số 0137/11/HN ngày 19/10/2011 quy định về thời hạn vay và lãi suất vay: “Thời hạn vay tối đa 06 tháng, lãi suất vay 21,5% năm và phương thức áp dụng là thả nổi, thay đổi 01 tháng/lần vào ngày 01 hàng tháng và được xác định theo quy định của MSB tại thời điểm thay đổi lãi suất. Kỳ thay đổi lãi suất đầu tiên là ngày 01/11/2011”. Đối chiếu với quy định tại khế ước nhận nợ trên, Hội đồng xét xử thấy nguyên đơn đã không thực hiện việc điều chỉnh lãi suất hàng tháng theo quy định kèm theo các quyết định điều chỉnh lãi suất. Đặc biệt, từ ngày 01/4/2012 đến nay thì nguyên đơn chỉ áp dụng mức lãi suất là 19,5% theo quyết định điều chỉnh lãi suất số 2723 ngày 13/3/2012 mà không điều chỉnh lãi suất hàng tháng theo quy định trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ. Tòa án cấp phúc thẩm đã có văn bản yêu cầu nguyên đơn cung cấp các tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc điều chỉnh lãi suất hàng tháng nhưng nguyên đơn chỉ cung cấp được các quyết định điều chỉnh lãi suất đến tháng 3/2012 mà không cung cấp các quyết định điều chỉnh lãi suất từ tháng 4/2012 đến nay. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận lãi suất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (Nợ lãi: 3.819.062.501 đồng; Lãi quá hạn: 1.975.225.417 đồng) là không đúng thỏa thuận của các bên trong hợp đồng và khế ước nhận nợ và làm thiệt hại đến quyền lợi của đương sự. Vì vậy, HĐXX không chấp nhận yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn, khi nào nguyên đơn xuất trình đủ các tài liệu, chứng cứ và có đơn khởi kiện trong thời hạn luật định sẽ được xem xét, giải quyết bằng một vụ án khác.

Về nội dung bản án sơ thẩm tuyên hợp đồng thế chấp vô hiệu: Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ Điều 1 Hợp đồng thế chấp căn hộ chung cư số 103 tầng 01 nhà 43 ngõ 130 phố Đ (số cũ: căn hộ C1 tầng 1 nhà B) ngày 14/10/2011 giữa bên thế chấp là bà Đỗ Thị Minh H, ông Phạm Anh T với bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP H quy định: “Tài sản thế chấp là căn hộ chung cư thuộc quyền sở hữu của bên thế chấp.....” và Điều 3 Hợp đồng thế chấp về nghĩa vụ được bảo đảm quy định: “ Bên thế chấp đồng ý thế chấp căn hộ chung cư thuộc quyền sở hữu của mình nêu tại Điều 1 và Điều 2 Hợp đồng này để bảo đảm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ dân sự của bên vay vốn đối với MSB, bao gồm nhưng không giới hạn là: Tiền vay (nợ gốc), lãi vay, lãi quá hạn, chi phí xử lý tài sản, các khoản chi phí khác và tiền bồi thường thiệt hại theo các Hợp đồng tín dụng, các Hợp đồng bảo lãnh ký với MSB và

các L/C mở tại MSB”. Như vậy, nghĩa vụ được bảo đảm trong hợp đồng thế chấp là toàn bộ nghĩa vụ dân sự (nghĩa vụ về nợ gốc, nợ lãi và nợ quá hạn) của bị đơn đối với nguyên đơn. Đồng thời, vợ chồng bà H còn trực tiếp ký hợp đồng thế chấp tài sản của mình thể hiện ý chí tự nguyện, không trái quy định pháp luật bảo đảm cho số tiền vay của bị đơn. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ việc khi đăng ký thế chấp tài sản thì hai con vợ chồng bà H là anh Phạm Tuấn Y sinh năm 1981 và anh Phạm Đỗ D sinh năm 1987 đã trưởng thành, khi ký hợp đồng thế chấp không có ủy quyền, không có lý do là thiếu sót; vợ chồng bà H chỉ đồng ý cho anh K (Phó Giám đốc Công ty T) là bạn con trai ông bà mượn giấy tờ nhà để bị đơn vay nguyên đơn với số tiền là 1.000.000.000 (một tỷ) đồng đến 1.200.000.000 (một tỷ hai trăm triệu) đồng với thời hạn 6 tháng nhưng nguyên đơn và bị đơn lại ký hợp đồng và giải ngân cho vay 3.200.000.000 đồng là lừa dối nên hợp đồng thế chấp tài sản mà vợ chồng bà H ký với nguyên đơn bị vô hiệu là không có căn cứ.

Từ những phân tích trên cho thấy quá trình ký kết Hợp đồng thế chấp của nguyên đơn với ông Phạm Anh T và bà Đỗ Thị Minh H được thực hiện đúng quy định pháp luật, thể hiện ý chí của các bên nên làm phát sinh nghĩa vụ của ông T, bà H theo Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 14/10/2011. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu độc lập bà H là không có cơ sở nên cần sửa án sơ thẩm đối với phần yêu cầu độc lập của bà H. Trong trường hợp bị đơn không thanh toán được nợ, thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án phát mại tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải chịu 300.000 đồng án phí của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là không đúng quy định pháp luật nên cần rút kinh nghiệm.

Về phần tạm ứng án phí phúc thẩm trong vụ án kinh doanh thương mại, số tiền người kháng cáo phải nộp là 2.000.000 đồng. Tuy nhiên tòa án cấp sơ thẩm chỉ cho nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng là chưa đúng quy định cần rút kinh nghiệm.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Do kháng cáo của nguyên đơn là có căn cứ nên cần sửa bản án sơ thẩm.

Bà Đỗ Thị Minh H phải chịu 3.000.000 (ba triệu) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập không được chấp nhận.

Nguyên đơn không phải chịu án phí phúc thẩm.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 147; Khoản 2 Điều 148; Khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Luật các tổ chức tín dụng.
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu lệ phí, án phí Tòa án

Xử:

1.Sửa Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2018/KDTM-ST ngày 08/11/2018 của Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP H đối với Công ty cổ phần thương mại T về thanh toán tiền nợ gốc. Buộc Công ty cổ phần thương mại T phải trả cho Ngân hàng TMCP H số tiền nợ của Hợp đồng hạn mức tín dụng số 37/11/HN ngày 14/10/2011 và khế ước nhận nợ số 0137/11/HN ngày 19/10/2011 là **3.040.000.000** (ba tỷ không trăm bốn mươi triệu) đồng tiền nợ gốc.

Không chấp nhận yêu cầu thanh toán số tiền nợ lãi của Ngân hàng TMCP H đối với Công ty cổ phần thương mại T. Ngân hàng có quyền khởi kiện yêu cầu đòi khoản tiền lãi của số tiền gốc nêu trên bằng một vụ án khác khi đã xuất trình đủ các chứng cứ là các quyết định điều chỉnh lãi suất kể từ khi ký kết Hợp đồng tín dụng đến thời điểm khởi kiện.

Công ty cổ phần thương mại T tiếp tục phải thanh toán khoản lãi phát sinh của số tiền nợ gốc trên theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ kể từ 09/11/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Đỗ Thị Minh H đối với Ngân hàng TMCP H.

Trường hợp Công ty cổ phần thương mại T vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP H có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản thế chấp là căn hộ chung cư số 103 tầng 01 nhà 43 ngõ 130 phố Đ, phường V, quận B, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 578531, MS 10101271182, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất A.1679/2007/QĐUB 1000 2007 do Ủy ban nhân dân quận B, thành phố Hà Nội cấp ngày 19/7/2007 đứng tên bà Đặng Ngọc L và ông Thái Hoàng I Ngày 03/12/2007, Ủy ban nhân dân quận B xác nhận bà Đỗ Thị Minh H và ông Phạm Anh T đã nhận chuyển nhượng căn hộ theo hợp đồng cho và nhận căn hộ chung cư số công chứng

1003307 quyền số 03/CC-SCC/HĐGD ngày 20/9/2007 tại Phòng công chứng số 1 thành phố Hà Nội đã thể chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số công chứng 016208/2011 quyền số 08 TP/CC-SCC/HĐTC ngày 14/10/2011 được công chứng tại Văn phòng công chứng Hà Nội.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận về việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí :

Công ty cổ phần thương mại T phải chịu số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 92.800.000 (chín mươi hai triệu, tám trăm nghìn đồng).

Ngân hàng TMCP H được trả lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 56.105.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008788 ngày 03 tháng 3 năm 2014 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố Hà Nội và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai số AA/2017 0004501 ngày 19/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố Hà Nội.

Bà Đỗ Thị Minh H phải chịu 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với phần yêu cầu độc lập của bà và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí về yêu cầu độc lập là 300.000 (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0004234 ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, Thành phố Hà Nội. Bà Đỗ Thị Minh H còn phải chịu 2.700.000 (hai triệu bảy trăm nghìn đồng) án phí về phần yêu cầu độc lập.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội;
- Toà án nhân dân quận H
- Chi cục THADS quận H;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thanh Bình

